

NÂNG CAO NĂNG LỰC NHẬN BIẾT CỦA GIÁO VIÊN VỀ CÁC NỘI DUNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẦM NON

Đặng Út Phương, Lê Thanh Huyền, Hồ Thị Như Vui

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Kỹ năng sống - hành trang không thể thiếu để mỗi người bước vào đời. Nếu không được trang bị kỹ năng sống, trẻ sẽ dễ rơi vào các tệ nạn, mất lòng tin, bạo lực, mặc cảm, bị lạm dụng,... Để có sự phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần cho trẻ ngay từ những năm đầu đời đó, không thể không nhắc tới vai trò của người giáo viên mầm non. Chúng ta đang sống ở thế kỷ XXI, thế kỷ của sự bùng nổ thông tin, sự nhảy vọt về khoa học kỹ thuật và công nghệ, giúp chúng ta mở rộng vốn hiểu biết, mối quan hệ ra với thế giới. Bên cạnh những thông tin hay, hữu ích cũng có không ít những thông tin tiêu cực và trái sự thật. Chính vì thế, đòi hỏi giáo viên mầm non phải năng động hơn, có khả năng tìm kiếm, có năng lực nhận biết, chất lọc những nội dung giáo dục kỹ năng sống hữu ích cần thiết, phù hợp để giáo dục cho trẻ.

Từ khóa: Giáo viên mầm non, kỹ năng sống, nội dung kỹ năng sống, năng lực, nhận biết.

Nhận bài ngày 4.3.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.3.2021

Liên hệ tác giả: Đặng Út Phương; Email: duphuong@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Chúng ta đang sống ở thế kỷ XXI, thế kỷ của sự bùng nổ thông tin, sự nhảy vọt về khoa học kỹ thuật và công nghệ, thế kỷ của nền văn minh phát triển cao, với các công cụ phương tiện kỹ thuật phục vụ đời sống con người ngày càng hiện đại, giúp chúng ta mở rộng vốn hiểu biết, mối quan hệ ra với thế giới. Tuy nhiên, mặt trái của xu thế toàn cầu hóa, sự phát triển của công nghệ thông tin và nền kinh tế tri thức cũng đem lại cho con người những rủi ro, nguy cơ và những thách thức. Bên cạnh những thông tin hay, hữu ích cho chúng ta thì cũng có không ít những thông tin tiêu cực và trái sự thật. Chính vì thế mà đòi hỏi những nhà giáo dục phải năng động hơn, có khả năng tìm kiếm, có năng lực nhận biết, chất lọc những thông tin hữu ích và cần thiết, phù hợp để giáo dục cho trẻ. Trẻ em khi bước vào cuộc sống xã hội, mọi thứ đều trở nên mới mẻ, xa lạ từ những sự vật hiện tượng quanh mình đến các mối quan hệ xã hội ngày càng mở rộng. Vì vậy giáo viên mầm non bên cạnh việc cung cấp và trang bị cho trẻ những vốn kiến thức về thế giới xung quanh thì việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ là cần thiết để trẻ dễ dàng hòa nhập, thích ứng cũng như có khả năng đối phó với khó khăn, những tình huống xấu xảy đến với mình khi không có người lớn bên cạnh; Có

thể nói, kỹ năng sống là hành trang không thể thiếu để mỗi người bước vào đời. Nếu không được trang bị kỹ năng sống, trẻ sẽ dễ rơi vào các tệ nạn, mất lòng tin, bạo lực, mặc cảm, bị lạm dụng,... Vì vậy, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ đang là vấn đề “nóng” trên các diễn đàn giáo dục những năm gần đây. Nhận thức rõ tầm quan trọng của kỹ năng sống, ở một số trường mầm non trên địa bàn Hà Nội, hiện nay cũng tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. Tuy nhiên, ở mỗi trường khác nhau thì những nội dung giáo dục kỹ năng sống lại khác nhau không nhất quán. Vậy với trẻ mầm non, chúng ta nên đưa những nội dung giáo dục kỹ năng sống nào trong vô số nguồn thông tin, nguồn nội dung giáo dục kỹ năng sống để phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ? Lúc này, như tôi đã trình bày ở trên, GVMN phải có được năng lực nhận biết các nội dung giáo dục kỹ năng sống phù hợp với trẻ. Vậy làm thế nào để có thể nâng cao năng lực nhận biết của các GVMN về các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ?

2. NỘI DUNG

2.1. Những khái niệm cơ bản về năng lực nhận biết và giáo dục kỹ năng sống

Khái niệm năng lực: Hiện nay Có nhiều quan niệm khác nhau về năng lực của các nhà khoa học như Ngô Công Hoàn, Nguyễn Quang Uẩn, Québec- Ministère de l'Éducation (2004), Weinert (2001), Howard Gardner,... F.E. Weinert (2001) cho rằng: “Năng lực là tổng hợp các khả năng và kĩ năng sẵn có hoặc học được cũng như sự sẵn sàng của cá thể nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh và hành động một cách có trách nhiệm, có sự phê phán để đi đến giải pháp” [1]. Chương trình giáo dục trung học, bang Québec, Canada (2004) cho rằng: “Năng lực là khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng, thái độ và sự đam mê để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống” [2]. Denyse Tremblay định nghĩa năng lực là “khả năng hành động, thành công và tiến bộ dựa vào việc huy động và sử dụng hiệu quả tổng hợp các nguồn lực để đối mặt với các tình huống trong cuộc sống.” [3]. Nguyễn Quang Uẩn khi định nghĩa: “Năng lực là tổng hợp những *thuộc tính* độc đáo của cá nhân phù hợp với những yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định, nhằm đảm bảo việc hoàn thành có kết quả tốt trong lĩnh vực hoạt động ấy” [4]. Theo quan điểm tiếp cận hoạt động thì năng lực là tổ hợp các thuộc tính tâm lý của chủ thể nhằm đáp ứng yêu cầu của một hoạt động nào đó. Chúng được hình thành và phát triển trong quá trình sống và hoạt động của cá nhân đảm bảo cho hoạt động có hiệu quả trong những điều kiện nhất định. Có thể nói năng lực không phải tự nhiên mà có, nó chỉ được hình thành trong hoạt động thực tiễn, trong các hoạt động xã hội cũng như cần có sự tích cực của cá nhân mỗi chủ thể trong một lĩnh vực hoạt động nhất định tức là khi chúng ta chưa hoạt động thì năng lực vẫn còn tiềm ẩn. Năng lực chỉ có tính hiện thực khi cá nhân hoạt động và phát triển trong chính hoạt động ấy [5]. Tác giả Ngô Công Hoàn có đưa ra một cấu trúc năng lực: “Năng lực người nói chung và năng lực nghề nghiệp nói riêng là một cấu trúc tâm lý động bao gồm *tri thức, thái độ và kỹ năng*, các thành phần này được phối hợp hoạt động linh hoạt, cơ động và rất nhạy bén”. [6]

Theo như cấu trúc này, chúng ta hiểu năng lực là sự phối hợp hài hòa giữa tri thức, thái độ và kỹ năng, trong đó có sự điều chỉnh của ý thức và trực giác. Khi chúng ta nhận xét một

người có năng lực trong công việc có nghĩa người đó biết vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng, thái độ của mình để giải quyết công việc đạt hiệu quả. Năng lực được hiểu theo nhiều cách khác nhau với các thuật ngữ khác nhau mà các nhà khoa học đã nghiên cứu và diễn đạt. Nhưng tựu chung lại, ta có thể định nghĩa năng lực là khả năng thực hiện có hiệu quả và trách nhiệm một vấn đề trong một bối cảnh nhất định bằng cách huy động tất cả kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm với thái độ sẵn sàng tham gia.

Khái niệm nhận biết: Khi nói đến nhận biết, chúng ta không chỉ nói đến khả năng nhận thức của cá nhân mà nó còn là khả năng biết vận dụng những tri thức, vốn kinh nghiệm để xử lý các tình huống trong cuộc sống. Khi nhận biết một sự vật nào đó thì bạn phải biết nó là gì? Nó được tạo ra từ những yếu tố nào? Nó có tầm quan trọng như thế nào? Cách sử dụng nó ra sao? Trong độ tuổi nhà trẻ, với hoạt động nhận biết, tập nói làm trọng tâm. Việc bạn cho trẻ nhận biết *Quả Cam*. Bạn phải cung cấp cho trẻ kiến thức về quả cam với tên gọi, đặc điểm nổi bật, dạng hình, công dụng, cách con người sử dụng quả cam,... trẻ biết thao tác với quả cam, cách cầm như thế nào, ăn ra sao? Ăn được phần nào, không ăn được phần nào. Từ đó có được thái độ vui thích khi được ăn các loại hoa quả,... Khi giáo viên cho trẻ nhận biết một sự vật hiện tượng, giáo viên phải giúp trẻ nắm được những tri thức, những kỹ năng và thái độ đúng đắn với sự vật đó. Từ những nhìn nhận về năng lực và nhận biết đã nêu ở trên, thì theo chúng tôi *Khái niệm năng lực nhận biết:* Năng lực nhận biết là khả năng hiểu một cách sâu sắc về đối tượng, có kỹ năng và thái độ đúng đắn khi tìm hiểu về đối tượng đó.

Khái niệm kỹ năng sống: Có nhiều quan điểm khác nhau về kỹ năng sống: Theo quan niệm của tổ chức văn hóa, khoa học giáo dục của Liên Hiệp Quốc (UNESCO): Kỹ năng sống là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày [7]. Theo quan niệm của tổ chức y tế thế giới (WHO): Kỹ năng sống là những kỹ năng mang tính tâm lý xã hội và kỹ năng về giao tiếp được vận dụng trong các tình huống hằng ngày để tương tác có hiệu quả với người khác và giải quyết có hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống hàng ngày. KNS vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội. KNS mang tính cá nhân vì đó là năng lực của cá nhân. KNS còn mang tính xã hội vì trong mỗi một giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội, ở mỗi vùng miền lại đòi hỏi mỗi cá nhân có những KNS thích hợp. Chẳng hạn: KNS của mỗi cá nhân trong thời bao cấp khác với KNS của các cá nhân trong cơ chế thị trường, trong giai đoạn hội nhập; KNS của người sống ở miền núi khác với KNS của người sống ở vùng biển, KNS của người sống ở nông thôn khác với KNS của người sống ở thành phố,...

Nói tóm lại, nói tới kỹ năng sống không đơn giản chỉ ở nhận thức mà cao hơn nữa con người còn biết tích cực vận dụng những kiến thức đã học vào xử lý các tình huống thực tiễn có hiệu quả, qua đó giúp con người sống vui vẻ, có ý nghĩa hơn. Vậy kỹ năng sống là gì? Kỹ năng sống là khả năng của con người giải quyết có hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày, giúp cho con người sống an toàn, khỏe mạnh trên cơ sở vận dụng những tri thức, thái độ, vốn sống, vốn kinh nghiệm đã có trong điều kiện nhất định.

Khái niệm giáo dục kỹ năng sống: Mỗi quốc gia khác nhau lại có những quan niệm khác

nhau về giáo dục KNS. Ở một số nước, KNS được hướng vào giáo dục vệ sinh, dinh dưỡng và phòng bệnh, ở một số nước khác, giáo dục KNS được hướng vào giáo dục hành vi, cách ứng xử, giáo dục an toàn giao thông bảo vệ môi trường hay giáo dục lòng yêu hoà bình. KNS thường gắn với một bối cảnh để người ta có thể hiểu và thực hành một cách cụ thể. Nó thường gắn liền với một nội dung giáo dục nhất định. Giáo dục KNS là giáo dục cách sống tích cực trong xã hội hiện đại do yêu cầu xã hội đặt ra, có liên quan đến việc làm, sức khỏe, các vấn đề xung đột, bạo lực cá nhân, của cộng đồng và xã hội. Có thể quan niệm GDKNS cho trẻ là quá trình hình thành, rèn luyện hoặc thay đổi các hành vi theo hướng tích cực, phù hợp với mục đích phát triển toàn diện nhân cách con người, con người có tri thức, giá trị, thái độ, kỹ năng phù hợp đáp ứng với yêu cầu cuộc sống hiện đại. Như vậy, giáo dục KNS không phải là nói cho trẻ biết thế nào là đúng, thế nào là sai, mà là giúp trẻ tự lựa chọn, đưa ra hướng giải quyết và ứng phó với các tình huống trong thực tế cuộc sống. Vì vậy giáo dục KNS phải hết sức gần gũi với cuộc sống và ngay trong cuộc sống hàng ngày. Giáo dục kỹ năng sống nhấn mạnh việc trẻ phải ý thức về giá trị bản thân, biết quý trọng bản thân. Giáo dục KNS hướng đến việc hình thành tư duy tích cực, cảm xúc tích cực, thái độ tích cực và đặc biệt phải tác động vào nhận thức để hình thành tri thức, kiến thức về cuộc sống, từ đó mới có hành vi tích cực. Nói tóm lại, ta có thể định nghĩa: Giáo dục KNS là quá trình xây dựng các hành vi, hành động tích cực, lành mạnh, làm thay đổi những hành vi thói quen tiêu cực trên cơ sở giúp người học có kiến thức, tư duy và cảm xúc tích cực, thái độ và kỹ năng thích ứng, đáp ứng các vấn đề cuộc sống theo hướng tích cực.

2.2. Khái niệm năng lực nhận biết các nội dung giáo dục kỹ năng sống

Từ cơ sở lý luận đã nêu ở trên, chúng tôi đưa ra khái niệm: *Năng lực nhận biết các nội dung giáo dục kỹ năng sống là khả năng xác định đúng và vận dụng linh hoạt các nội dung giáo dục kỹ năng sống vào việc tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ ở trường mầm non nhằm hình thành và phát triển cho trẻ những kỹ năng sống cần thiết và phù hợp, giúp trẻ tự tin bước vào lớp Một.*

2.3. Ý nghĩa của giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

Giáo dục kỹ năng sống có vai trò quan trọng trong việc phát triển toàn diện nhân cách trẻ: *Giáo dục kỹ năng sống giúp phát triển về mặt thể chất cho trẻ:* Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ được an toàn, khỏe mạnh, khéo léo, bền bỉ, có khả năng thích ứng được với những thay đổi của điều kiện sống; *Giáo dục kỹ năng sống giúp phát triển về mặt tinh cảm - xã hội cho trẻ:* Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ biết kiểm soát cảm xúc, biết thể hiện tình yêu thương, sự chia sẻ, đồng cảm với những người xung quanh; *Giáo dục kỹ năng sống giúp phát triển về ngôn ngữ:* Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ mạnh dạn, tự tin, tự trọng và tôn trọng người khác, có khả năng giao tiếp tốt, trẻ biết lắng nghe, nói năng lịch sự, hòa nhã và cởi mở; *Giáo dục kỹ năng sống giúp phát triển về nhận thức và sẵn sàng vào lớp Một:* Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ ham hiểu biết, sáng tạo, có những kỹ năng thích ứng với hoạt động học tập ở lớp Một như: sẵn sàng hòa nhập, nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, có trách nhiệm với bản thân, với công việc với các mối quan hệ xã hội,...

2.4. Các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

Theo công văn số 463/BGDĐT-GD&ĐT về hướng dẫn tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tại các cơ sở giáo dục ngày 28/1/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các trường căn cứ điều kiện của nhà trường, thực tế của địa phương và đặc điểm tâm sinh lý, lứa tuổi, khả năng, nhu cầu của HS để tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HS, không gây áp lực, không ép buộc HS tham gia. Đồng thời, việc tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho HS phải đảm bảo an toàn, nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, phát huy tính tự quản, chủ động, sáng tạo của HS.

Về nội dung giáo dục kỹ năng sống, Bộ GD&ĐT yêu cầu giáo dục cho người học những kỹ năng cơ bản, cần thiết, hướng tới hình thành những thói quen tốt giúp người học thành công, bảo đảm vừa phù hợp với thực tiễn và thuần phong mỹ tục Việt Nam vừa hội nhập quốc tế trong giai đoạn công nghiệp hoá đất nước. Nội dung giáo dục kỹ năng sống phải phù hợp với từng lứa tuổi và tiếp tục được rèn luyện theo mức độ tăng dần. Đối với trẻ mầm non, việc giáo dục KNS cần tập trung vào những nội dung sau: **Giúp trẻ nhận thức về bản thân:** sự tự tin, tự lực, thực hiện những quy tắc an toàn thông thường, biết làm một số việc đơn giản; **Hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội cần thiết:** thể hiện tình cảm, sự chia sẻ, hợp tác, kiên trì, vượt khó; **Hình thành một số kỹ năng ứng xử phù hợp với gia đình, cộng đồng, bạn bè và môi trường.**

Bàn về giáo dục kỹ năng sống ở mầm non trong cuốn Giáo trình “Giáo dục kỹ năng sống” của mình. Nguyễn Thanh Bình đã phân tích và đưa ra những nội dung kỹ năng sống thể hiện trong chương trình khung chăm sóc và giáo dục mầm non đổi mới: *Phát triển thể chất* (chú ý đến rèn luyện kỹ năng vận động thô và vận động tinh), *Phát triển Nhận thức* (cung cấp tri thức và kỹ năng cần thiết); *Phát triển ngôn ngữ, trong đó có chú ý đến kỹ năng giao tiếp*; *Tình cảm và ứng xử đối với bạn bè, người thân* (cảm nhận được trạng thái cảm xúc của người khác, đồng, đáp lại, giúp đỡ,...); *Nghệ thuật và thẩm mỹ* nhằm phát huy tính sáng tạo của trẻ thông qua bắt chước theo cách riêng của từng em trong hoạt động tạo hình. Có thể thấy rằng đây chính là năm mặt phát triển của giáo dục mầm non, hướng trẻ đến sự phát triển toàn diện nhân cách. Không những vậy tác giả Nguyễn Thanh Bình còn đưa ra các nội dung khá cụ thể ứng với từng lứa tuổi: [8], [9].

Nội dung kỹ năng sống được thể hiện ở lứa tuổi nhà trẻ:

Tuổi Các nội dung	18 – 24 tháng	24 – 36 tháng
Rèn luyện một số thói quen tốt trong ăn uống, vệ sinh cá nhân của trẻ	Không nhặt thức ăn rơi vãi vào miệng, biết gọi cô khi có nhu cầu vệ sinh	Biết mời cô, mời bạn khi ăn; tự đi vệ sinh
Giữ gìn sức khỏe và an toàn	Biết tránh được một số vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.	Biết đi nắng, đi mưa phải đội mũ; có thói quen đi giày, dép; không bỏ vật lạ vào mồm vào mũi; biết tránh

		những nơi nguy hiểm đến tính mạng.
Phát triển tình cảm xã hội	Bắt đầu chú ý và thể hiện sự quan tâm đến những đứa trẻ khác; không tranh giành đồ dùng của bạn; Biết nhận biết cảm xúc của người khác và thể hiện cảm xúc một cách phù hợp; biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi; Biết chờ đợi đến lượt, mạnh dạn, hồn nhiên trong giao tiếp; Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. Biểu đạt hiểu biết, tình cảm, nhu cầu của bản thân; nhận biết một số hành động tốt/xấu...	

Nội dung KNS thể hiện qua mục tiêu cụ thể đối với trẻ cuối tuổi mẫu giáo:

Các mục tiêu	Các nội dung cụ thể
<i>Phát triển thể lực</i>	Có một số KNS và thói quen tự phục vụ liên quan đến sức khỏe, an toàn, vệ sinh thân thể, vệ sinh ăn uống, vệ sinh môi trường sinh hoạt. Biết cách phòng tránh một số bệnh thông thường. Có nề nếp thói quen, tự phục vụ, hành vi văn minh trong ăn uống, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, nhận biết những nơi không an toàn, nguy hiểm và cách phòng tránh;
<i>Phát triển nhận thức</i>	Có một số hiểu biết về môi trường tự nhiên và xã hội gần gũi: có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, phân tích để tìm mối quan hệ đơn giản, có suy nghĩ phê phán các sự vật, hiện tượng, gần gũi xung quanh;
<i>Phát triển ngôn ngữ</i>	Nghe và hiểu lời nói trong giao tiếp. Có khả năng dùng lời nói để diễn đạt ý nghĩ, cảm xúc tình cảm của mình. Đặc biệt là đối với trẻ em dân tộc có thể sử dụng tiếng phổ thông trong giao tiếp ở trường mầm non, có một số kỹ năng chuẩn bị vào lớp 1;
<i>Phát triển tình cảm, ứng xử và quan hệ xã hội</i>	Mạnh dạn, tự tin, lễ phép trong giao tiếp, có hành vi ứng xử đúng đắn với bản thân, với mọi người xung quanh, bước đầu có ý thức trách nhiệm và kiên trì thực hiện công việc được giao đến cùng, bước đầu biết tôn trọng, hòa nhập, chia sẻ, cộng tác với bạn bè trong nhóm lớp và những người gần gũi; thực hiện được các quy tắc đơn giản, nếp sống văn minh trong gia đình, trường lớp và nơi công cộng; yêu quý, quan tâm, giúp đỡ những người thân trong gia đình, bạn bè và cô giáo ở lớp; yêu quý vật nuôi...Rèn luyện một số phẩm chất, KNS phù hợp; biết cách xử lý tình huống trong hoàn cảnh cụ thể, bày tỏ tình cảm phù hợp, đúng lúc; tự lập trong các tình huống quen thuộc, có kỹ năng tự phục vụ, hợp tác, có trách nhiệm.

Các nội dung giáo dục trong 5 lĩnh vực trên được sắp xếp theo hệ thống thống chủ đề

gồm: Bản thân; Gia đình; Trường mầm non, Nghề nghiệp; Giao thông, Quê hương- đất nước – bác Hồ; Tết và mùa xuân; Thế giới thực vật; Thế giới động vật, Nước và các hiện tượng tự nhiên, Dinh dưỡng - sức khỏe. Các chủ đề mang tính đồng tâm từ nhà trẻ cho đến lớp Mẫu giáo, với cùng chủ đề nhưng ở các lứa tuổi khác nhau thì nội dung sẽ được đi sâu và mở rộng hơn phù hợp với từng độ tuổi. Trẻ càng lớn thì nội dung các phong phú và đa dạng. Các chủ đề giáo dục kỹ năng sống dành cho trẻ phải luôn thể hiện sự gần gũi với cuộc sống của trẻ và được mở rộng dần trong mối quan hệ giữa trẻ và gia đình, trường học, cộng đồng và môi trường tự nhiên xung quanh. [9], [10]

2.5. Thực trạng năng lực nhận biết của giáo viên về các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

Để tìm hiểu năng lực nhận biết các nội dung giáo dục kỹ năng sống nói riêng của giáo viên mầm non. Chúng tôi đã gửi phiếu điều tra đến các giáo viên giảng dạy tại các trường mầm non trên địa bàn Hà Nội, chúng tôi đã thu về được 135 phiếu. Ở câu hỏi đầu tiên, chúng tôi đi tìm hiểu về nhận thức của giáo viên về: *Mức độ cần thiết của việc nắm được các nội dung giáo dục kỹ năng sống (KNS) cho trẻ mầm non. Chúng tôi nhận được kết quả như sau:*

Mức độ	Ý kiến lựa chọn	Tỷ lệ %
Rất cần thiết	97	71.8
Cần thiết	36	26.7
Không cần thiết lắm	2	1.5
Không cần	0	0

Nhìn vào bảng thống kê về nhận thức của giáo viên mầm non với mức độ cần thiết của việc nhận biết các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho ta thấy, 71.8 % giáo viên cho là rất cần thiết và 26.7% cho là cần thiết. Có hai cô giáo chọn đáp án là không cần thiết lắm chiếm tỷ lệ rất nhỏ 1.5%. Khi được hỏi các cô tại sao các cô lại cho rằng việc nhận biết các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non là không cần thiết lắm, chúng tôi nhận được câu trả lời: “Ở trường chị, thuê một trung tâm riêng về dạy KNS cho trẻ rồi, nên mình biết các nội dung hay không, không cần thiết lắm, mình có dạy đâu“. Trong đó với câu hỏi “Theo anh chị, giáo dục KNS cho trẻ ở trường mầm non bao gồm những nội dung nào”. Chúng tôi nhận được kết quả như sau:

Nội dung	Số lượng GV	Tỷ lệ %
Kỹ năng tự phục vụ	135/135	100%
Kỹ năng thể hiện cảm xúc	23/135	17%
Kỹ năng tự nhận thức	55/135	40.7%
Kỹ năng hợp tác	42/135	31.1%
Kỹ năng giao tiếp	112/135	83%
Kỹ năng giải quyết vấn đề	4/135	3%
Kỹ năng khác	0	0%

Theo số liệu ở bảng tổng hợp đánh giá về nhận thức của giáo viên mầm non về các nội

dung giáo dục kỹ năng sống ta thấy rằng giáo viên phần nào đã phần nào nhận thức được về các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non thông qua việc lựa chọn các nội dung trong đáp án trả lời. Trong đó các ý kiến tập trung chủ yếu vào lựa chọn các kỹ năng tự phục vụ (chiếm 100%) và kỹ năng giao tiếp vì đây là những kỹ năng dễ nhận thấy thường ngày ở trẻ. Còn kỹ năng giải quyết vấn đề là thấp hơn cả với chỉ 3% lựa chọn. Các cô giáo cho rằng khi trẻ bị làm sao trẻ toàn mách người lớn, mách cô chứ trẻ có bao giờ tự giải quyết được đâu. Còn các kỹ năng hợp tác (31.1%) và kỹ năng thể hiện cảm xúc (17%) có tỷ lệ lựa chọn cũng thấp, do đó có thể thấy nhận thức của giáo viên về kỹ năng thể hiện cảm xúc và kỹ năng hợp tác ở trẻ chưa cao. Việc lựa chọn các nội dung giáo dục kỹ năng sống còn mang tính chủ quan do các câu hỏi có sẵn các đáp án trả lời, dù vậy ở đây cũng cho thấy vấn đề GDKNS cho trẻ cũng đã nhận được sự quan tâm của giáo viên. Từ đó cũng có thể thấy rằng thực trạng nhận thức của giáo viên về các nội dung GDKNS là chưa cao.

Với câu hỏi: “Theo anh chị, mức độ thực hiện các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non hiện nay như thế nào”.

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Rất tốt	5/135	3.7
Tốt	10/135	7.4
Bình thường	98/135	72.6
Chưa thực hiện	13/135	9.6
Không trả lời	9/135	6.7

Ở câu hỏi thứ 2, mang tính chất khảo sát về sự đánh giá của giáo viên về mức độ giáo dục KNS cho trẻ trong các trường mầm non hiện nay thì chỉ có 11.1 % giáo viên cho rằng việc thực hiện giáo dục KNS cho trẻ là rất tốt và tốt. Đến 72.6% cho rằng việc GDKNS cho trẻ ở các trường mầm non chỉ được thực hiện bình thường. 9.6 % cho rằng GDKNS chưa được thực hiện ở trong trường mầm non và có đến 6.7 % giáo viên hoặc do bận rộn hoặc do không quan tâm nên đã không đưa ra câu trả lời. Như vậy mặc dù GDKNS cho trẻ có vai trò quan trọng trong sự hình thành nhân cách cho trẻ. Nhưng việc quan tâm và thực hiện giáo dục KNS cho trẻ ở trường mầm non hiện nay chưa được chú trọng. Những thống kê ý kiến của các giáo viên trực tiếp đứng lớp đã phần nào đánh giá được thực trạng công tác giáo dục KNS cho trẻ ở trường mầm non hiện nay. Nguyên nhân trực tiếp là chưa có văn bản quy định, cũng như nội dung chương trình cụ thể được xây dựng cho các giáo viên về GDKNS cho trẻ hoặc nguyên nhân gián tiếp là do nhận thức của giáo viên về GDKNS cho trẻ còn hạn chế và luôn bị động trong việc thực hiện. Vì vậy để việc GDKNS cho trẻ được thực hiện thường xuyên, liên tục và đạt kết quả tốt thì cần giúp giáo viên có nhận thức đúng đắn về nội dung và tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng sống đối với việc hình thành nhân cách con người Việt Nam. Bên cạnh đó ta phải xây dựng các biện pháp cụ thể để giáo dục KNS cho trẻ, giúp người giáo viên định hướng tốt nhất vấn đề GDKNS cho trẻ.

Khi được hỏi về lấy nguồn các nội dung giáo dục kỹ năng sống ở đâu để tổ chức và giảng dạy kỹ năng sống cho trẻ tại lớp thì có một thực tế đáng lo ngại là 112 cô lựa chọn các

nội dung và các videos giáo dục kỹ năng sống có sẵn các cô lấy về và sử dụng chiếm 83%. Tỷ lệ còn lại với 9 cô nói dựa vào sách vở đọc được chiếm 6.7%, chỉ có 14 cô nói dựa vào các nguồn thông tin chính thống, như giáo trình, và các văn bản quy định, chất lọc trong chương trình giáo dục mầm non và lựa chọn các nội dung giáo dục kỹ năng sống linh hoạt, phù hợp với đối tượng lớp giảng dạy chiếm tỷ lệ khiêm tốn 10,4%. Kết quả điều tra nhận thức của giáo viên mầm non về các nội dung giáo dục kỹ năng sống ở một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy, phần đông giáo viên đã nhận thức được sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống và xác định được các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ nhưng làm thế nào để đạt được hiệu quả giáo dục thì họ còn gặp nhiều khó khăn: Sự quan tâm chỉ đạo của ban giám hiệu nhà trường là chưa triệt để, chưa thường xuyên. Vấn đề GDKNS cho trẻ ở trường mầm non hiện nay là một vấn đề mới, tuy đã được quan tâm nhưng vẫn chưa có định hướng rõ ràng và mang tính hệ thống; Bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc – giáo dục trẻ, giáo viên còn phải tham gia nhiều hoạt động phong trào của nhà trường và địa phương, do đó thời gian đầu tư tìm hiểu tài liệu cũng như lên kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ là rất ít. Từ những kết quả tìm hiểu thực trạng và những nhận định trên đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để chúng tôi muốn đưa ra một vài gợi ý nhằm nâng cao năng lực nhận biết các nội dung giáo dục kỹ năng sống của giáo viên mầm non hơn.

2.6. Một số gợi ý nhằm nâng cao năng lực nhận biết của giáo viên mầm non về các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.

2.6.1. Tổ chức các lớp bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên để cung cấp và mở rộng tri thức cho giáo viên mầm non về các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non

Đây là một trong những biện pháp có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình nâng cao năng lực nhận biết các nội dung giáo dục kỹ năng sống. Thực tế cho thấy, nhiều giáo viên có tâm huyết với công việc, mong muốn phát huy khả năng của mình trong công tác đổi mới phương pháp chăm sóc – giáo dục với những nội dung giáo dục mới – nội dung giáo dục kỹ năng sống, nhưng họ lại không biết làm như thế nào để đổi mới và đổi mới liệu có mang lại hiệu quả tốt hay không. Đặc biệt là những nội dung giáo dục kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi mầm non thì không phải giáo viên nào cũng nắm được. Vì vậy việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng sống cho giáo viên là hết sức cần thiết. Việc bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ là hình thức phù hợp với đặc thù nghề nghiệp của giáo viên mầm non: Giáo viên được bồi dưỡng ngay tại trường, người học thì không phải thường xuyên đối mặt với giảng viên, trường mầm non lại là cơ sở bồi dưỡng. Tham gia bồi dưỡng thường xuyên giúp giáo viên được cập nhật thông tin nắm được chính xác những kiến thức căn bản về kỹ năng sống: Với khái niệm, tầm quan trọng, mục tiêu, nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ cũng như những phương pháp, hình thức cách tiếp cận giáo dục kỹ năng sống phù hợp với trẻ, để từ đó không những nâng cao trình độ chuyên môn mà còn được rèn luyện được kỹ năng thông qua quá trình bồi dưỡng.

2.6.2. Tạo môi trường hoạt động tích cực cho giáo viên và trẻ được bộc lộ, thể hiện, rèn luyện và phát triển các nội dung giáo dục kỹ năng sống.

Một trong những khó khăn giáo viên gặp phải trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ là yếu tố cơ sở vật chất. Thực trạng lớp học quá đông trẻ với điều kiện trang thiết bị còn hạn chế trong khi bản thân giáo viên không có đủ điều kiện kinh tế và thời gian để tự trang bị các đồ dùng này là khá phổ biến. Vì vậy, việc tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, đồ dùng, trang thiết bị sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên có cơ hội thể hiện và phát huy khả năng của mình, có tác dụng hỗ trợ sự lựa chọn các nội dung, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho cô và trẻ, tạo điều kiện cho hoạt động của cô và trẻ đa dạng, hấp dẫn hơn rất nhiều. Tạo môi trường hoạt động tích cực là tạo nên không gian làm việc, không gian chơi rộng rãi, thoáng mát, với các trang thiết bị, đồ dùng, dụng cụ, đồ chơi đa dạng, phong phú, mới lạ và hấp dẫn cũng như tạo bầu không khí thân thiện, bình đẳng, gần gũi, yêu thương là một việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết.

Môi trường hoạt động tốt sẽ tăng khả năng chú ý, hứng thú của cô và trẻ trong các hoạt động, giúp giáo viên có những động lực, ý tưởng sáng tạo hơn, từ đó sẽ thiết kế và tổ chức được các hoạt động hấp dẫn, phù hợp với sự phát triển của trẻ, kích thích trẻ tích cực thể hiện, tích cực trải nghiệm các KNS. Sự trải nghiệm sâu sắc trong môi trường hoạt động phong phú, hấp dẫn đó tạo cơ hội cho trẻ tiếp cận gần hơn với thế giới thực của người lớn. Chính ở đây các KNS của trẻ được hình thành. Tạo môi trường hoạt động tích cực bao gồm môi trường vật chất và môi trường tâm lý do vậy việc xây dựng những hoạt động đa dạng, hấp dẫn với bầu không khí thân thiện giữa cô và trẻ có vai trò vô cùng lớn. Giúp nâng cao hiệu quả các hoạt động hướng đến các nội dung giáo dục kỹ năng sống.

2.6.3. Xây dựng kế hoạch, chương trình giảng dạy cụ thể, chi tiết, rõ ràng, có nhấn mạnh vào các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ

Xây dựng đầy đủ kế hoạch năm học, kế hoạch hàng tháng, kế hoạch hàng tuần rõ ràng để thực hiện các hoạt động theo đúng kế hoạch và để đảm bảo có sự xuất hiện của các nội dung giáo dục kỹ năng sống trong các hoạt động ở trường mầm non phù hợp: *Kỹ năng tự tin*: Một trong những kỹ năng đầu tiên mà giáo viên cần chú tâm là phát triển sự tự tin, lòng tự trọng của trẻ. Nghĩa là giúp trẻ cảm nhận được mình là ai, cả về cá nhân cũng như mối quan hệ với những người khác. KNS này giúp trẻ cảm thấy tự tin trong mọi tình huống ở mọi nơi; *Kỹ năng ứng xử phù hợp với những người gần gũi xung quanh*: Lễ phép với người trên; Quan tâm, nhường nhịn em nhỏ; Quan tâm giúp đỡ mẹ những công việc vừa sức; *Kỹ năng hợp tác*: Bằng các trò chơi, câu chuyện, bài hát giúp trẻ học cách cùng nhau làm việc với bạn đây là công việc không nhỏ đối với trẻ lứa tuổi này. Kỹ năng hợp tác thể hiện sự thân thiện, hòa hợp với bạn bè, chia sẻ giúp đỡ bạn khi cần thiết, cùng bạn hoàn thành một số công việc đơn giản; *Kỹ năng tuân thủ các quy tắc xã hội*: Quy tắc công cộng (không vứt rác bừa bãi, không nói to, không bẻ cành, hái hoa, không xô đẩy nhau,...); quy tắc giao thông (đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy, đi trên vỉa hè, không đùa dưới lòng đường,...); quy tắc khi làm khách (lễ phép, không nghịch, quậy phá, không tự sử dụng đồ dùng của chủ nhà,...); *Kỹ năng giao tiếp*: Giáo viên cần dạy trẻ thể hiện bản thân và diễn đạt ý tưởng của mình cho người khác hiểu, trẻ cần cảm nhận được vị trí, kiến thức của mình trong thế giới xung quanh nó. Đây là kỹ năng cơ bản và khá quan trọng đối với trẻ. Nếu trẻ cảm thấy thoải

- tế, Kỹ yếu hội thảo, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Phan Thị Thảo Hương (2010), *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non*, Nxb. Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Thanh Bình (2007), *Giáo dục kỹ năng sống*, Nxb. ĐHSPHN.

ENHANCE TEACHERS' AWARENESS TOWARDS TEACHING LIVING SKILLS FOR KINDERGARTEN CHILDREN

Abstract: *Living skills – the package which is indispensable for each people life. Without equipping living skills, children would fall into social evils, lose faith, be violent, lose their self-esteem, or be abused... To having mental and physical development completely for children, kindergarten teachers play an undeniable role in the first years of children life. We are living in XXI century whose information is exploding, and technology and science have big jump, and our knowledge about the world is expanding. Beside good and useful information, there are also many negative and untrue information. Therefore, it is required kindergarten teachers to be more dynamic, having ability to search, aware and filter the useful, necessary and suitable living skills content to educate children.*

Keywords: *Teachers, living skills, awareness ability.*